

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRANG ĐIỆN TỬ VAY, TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI

*(Phần dành cho Bên đi vay theo quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-NHNN ngày 26/02/2016
hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của
doanh nghiệp)
(Tháng 6/2016)*

Thực hiện định hướng của Chính phủ trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, trong thời gian qua, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã tích cực xây dựng Trang điện tử quản lý hoạt động vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp. Trên cơ sở quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-NHNN ngày 26/02/2016 hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp (Thông tư 03), kể từ ngày 15/4/2016, Bên đi vay nước ngoài có thể gửi Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài, Đơn đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và Báo cáo tình hình thực hiện khoản vay nước ngoài trực tuyến thông qua Trang điện tử tại địa chỉ www.qlnh-sbv.cic.org.vn hoặc www.sbv.gov.vn.

Nhằm khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, Bên đi vay sử dụng Trang điện tử trong quá trình đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài (phương thức trực tuyến) sẽ được hưởng nhiều ưu thế như thời gian xử lý hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài được rút ngắn, cập nhật được trực tuyến tình trạng xử lý hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài...

Tài liệu hướng dẫn này được xây dựng để hỗ trợ Bên đi vay nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) tiếp cận và sử dụng Trang điện tử để đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, báo cáo tình hình thực hiện khoản vay nước ngoài nhanh chóng, hiệu quả. Tài liệu hướng dẫn này sẽ được cập nhật thường xuyên trên cơ sở các ứng dụng, cải tiến về mặt công nghệ và các câu hỏi, đáp của các đối tượng có liên quan nhằm hướng dẫn chi tiết hơn, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước.

Bên đi vay cần chủ động trong việc truy cập, sử dụng Chương trình, thường xuyên cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp và tình hình hoạt động vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp trên Chương trình (đăng ký khoản vay, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài, báo cáo định kỳ, chỉnh sửa các thông tin liên hệ như địa chỉ điện thoại,...) để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hoạt động vay, trả nợ nước ngoài, đồng thời hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý hoạt động vay, trả nợ nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật.

Mọi thắc mắc xin liên hệ (i) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đăng ký sử dụng Chương trình; hoặc (ii) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Vụ Quản lý Ngoại hối: Phòng Quản lý vay và cho vay nước ngoài (04.3934 3356); đối với các vướng mắc về kỹ thuật liên hệ Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam – CIC (04. 3355 3909) để được giải đáp.

Các chữ viết tắt trong văn bản

Doanh nghiệp: Bên đi vay nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-NHNN ngày 26/02/2016 hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp

Người sử dụng (NSD): người chịu trách nhiệm quản lý Tên đăng nhập và mật khẩu sử dụng Trang điện tử quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp (khai Đơn đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài và Báo cáo tình hình vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp)

NHNN: Ngân hàng Nhà nước (bao gồm cả Vụ Quản lý ngoại hối – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

Thông tư 03: Thông tư số 03/2016/TT-NHNN ngày 26/02/2016 hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp

Trang điện tử: Trang điện tử quản lý vay, trả nợ nước ngoài tại địa chỉ www.qlnh-sbv.cic.org.vn hoặc www.sbv.gov.vn

Thuyết minh

Minh họa

III. Đăng ký khoản vay nước ngoài

Bước 1: Để đăng ký khoản vay nước ngoài, sau khi sử dụng Tên đăng nhập và mật khẩu truy cập Trang điện tử, NSD chọn **“Đăng ký khoản vay NN”**

Bước 2: NSD điền đầy đủ các thông tin tại Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài trên cơ sở các thông tin về khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp và các hướng dẫn tại Trang điện tử

Lưu ý:

Ngày tháng tại Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài sẽ được mặc định là ngày NSD khai và gửi đơn tại Trang điện tử.

NSD chọn mũi tên để chọn Cơ quan tiếp nhận Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 03

Các thông tin về doanh nghiệp sẽ được Trang điện tử tự chiết xuất trên cơ sở các thông tin về tài khoản truy cập sử dụng Trang điện tử của doanh nghiệp

nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

- Căn cứ Thông tư số 37/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số nội dung về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp;

- Căn cứ Thỏa thuận vay nước ngoài đã ký với Bên (các bên) cho vay nước ngoài ngày **02-03-2016**

(+) Thỏa thuận 2 (nếu có)

Bên đi vay có tên sau đây đồng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và khoản vay trung, dài hạn nước ngoài của Bên đi vay như sau:

PHẦN THỨ NHẤT: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

I. Thông tin về Bên đi vay:			
1. Tên bên đi vay:	Công ty U		
2. Loại hình doanh nghiệp:	Doanh nghiệp có tư 10% đến dưới 51% vốn đầu tư nước ngoài (t-10)		
3. Địa chỉ:	26 Lý Thường Kiệt, Hà Nội		
4. Điện thoại:	04 39313306	Fax:	04 3931 3357
5. Họ và tên người đại diện có thẩm quyền:	Lô Minh Hùng		
6. Hồ sơ pháp lý:	Số giấy chứng nhận đầu tư: 123456 Ngày cấp: 09-10-2012		
	Cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội		
7. Phạm vi hoạt động hợp pháp của Bên đi vay:			
8. Tổng vốn đầu tư của dự án sử dụng vốn vay (áp dụng với khoản vay nước ngoài phục vụ mục đích thực hiện dự án đầu tư) là: trong đó tổng số vốn góp là: tổng số vốn vay là: (USD)			
9. Tình hình dư nợ tín dụng phục vụ dự án tại thời điểm gửi hồ sơ đăng ký (quy USD):			
- Dư nợ vay ngân hàng nước ngoài:		(USD)	trong đó quá hạn (USD)
- Dư nợ vay ngân hàng trong nước:		(USD)	trong đó quá hạn (USD)
- Dư nợ vay trung, dài hạn nước ngoài:		(USD)	trong đó quá hạn (USD)
- Dư nợ vay trung, dài hạn trong nước:		(USD)	trong đó quá hạn (USD)

- Đối với các số liệu chưa phát sinh của doanh nghiệp, NSD điền “0”. Trường hợp NSD bỏ trống không điền giá trị, Trang điện tử sẽ báo lỗi.

- NSD điền số lượng khoản vay trung, dài hạn còn dư nợ của doanh nghiệp, không điền số dư nợ

CHỨC VỤ

6. Hồ sơ pháp lý:

Số giấy chứng nhận đầu tư: 123456 Ngày cấp: 09-10-2012

Cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

7. Phạm vi hoạt động hợp pháp của Bên đi vay:

8. Tổng vốn đầu tư của dự án sử dụng vốn vay (áp dụng với khoản vay nước ngoài phục vụ mục đích thực hiện dự án đầu tư) là: trong đó tổng số vốn góp là: 30.000.000 tổng số vốn vay là: 50.000.000 quy (USD)

9. Tình hình dư nợ tín dụng phục vụ dự án tại thời điểm gửi hồ sơ đăng ký (quy USD):

- Dư nợ vay ngân hàng nước ngoài: 0 (USD) trong đó quá hạn 0 (USD)

- Dư nợ vay ngân hàng trong nước: 0 (USD) trong đó quá hạn 0 (USD)

- Dư nợ vay trung, dài hạn nước ngoài: 0 (USD) trong đó quá hạn 0 (USD)

- Dư nợ vay trung, dài hạn trong nước: 0 (USD) trong đó quá hạn 0 (USD)

Số khoản vay nước ngoài trung, dài hạn của doanh nghiệp (đang thực hiện hoặc còn dư nợ đến ngày báo cáo): 5

II. Thông tin về bên cho vay

1. Bên cho vay thứ nhất:

1.1. Tên Bên cho vay (hoặc đại diện Bên cho vay):

1.2. Quốc gia của Bên cho vay (hoặc đại diện Bên cho vay): 000-Toàn thế giới

1.3. Loại hình Bên cho vay (hoặc đại diện Bên cho vay): --Lựa chọn--

1.4. Kim ngạch cho vay: USD-DOLLA MỸ

1.5. Loại tiền tệ: USD-DOLLA MỸ

(+) Bên cho vay thứ 2

Trường hợp khoản vay có nhiều Bên cho vay, NSD chọn “**(+) Bên cho vay thứ 2**” ... để điền thêm thông tin về các Bên cho vay khác

II. Thông tin về bên cho vay

1. Bên cho vay thứ nhất:

1.1. Tên Bên cho vay (hoặc đại diện Bên cho vay): BTMU

1.2. Quốc gia của Bên cho vay (hoặc đại diện Bên cho vay): 005-Japan

1.3. Loại hình Bên cho vay (hoặc đại diện Bên cho vay): 2: Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính quốc tế (CI)

1.4. Kim ngạch cho vay: 11.000.000

1.5. Loại tiền tệ: USD-DOLLA MỸ

(+) Bên cho vay thứ 2

2. Bên cho vay thứ hai:

2.1. Tên Bên cho vay (hoặc đại diện Bên cho vay): abc

2.2. Quốc gia của Bên cho vay (hoặc đại diện Bên cho vay): 009-Australia

2.3. Loại hình Bên cho vay (hoặc đại diện Bên cho vay): 3: Các đối tượng khác (KH)

2.4. Kim ngạch cho vay: 4.000.000

2.5. Loại tiền tệ: USD-DOLLA MỸ

(+) Bên cho vay thứ 3

(+) Bên cho vay thứ 4

III. Thông tin về các Bên liên quan khác

1. Bên bảo lãnh:

☒ Bảo lãnh bởi người cư trú

Tên đơn vị bảo lãnh (t):

☐ Bảo lãnh bởi người không cư trú

☐ Không bảo lãnh

Khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp có thể được bảo lãnh bởi cả người cư trú và người không cư trú; do đó, NSD có thể đánh dấu và cả 2 mục “**Bảo lãnh bởi người cư trú**” và “**Bảo lãnh bởi người không cư trú**”. Trường hợp NSD đánh dấu đồng thời (Bảo lãnh bởi người cư trú và Không bảo lãnh) hoặc (Bảo lãnh bởi

2.3. Loại hình Bên cho vay: 3: Các đối tượng khác (KH)

2.4. Kim ngạch cho vay: 4.000.000

2.5. Loại tiền tệ: USD-DOLLA MỸ

(+) Bên cho vay thứ 3

(+) Bên cho vay thứ 4

III. Thông tin về các Bên liên quan khác

1. Bên bảo lãnh:

☒ Bảo lãnh bởi người cư trú

Tên đơn vị bảo lãnh (t): Ngân hàng TMCP Công thương

☒ Bảo lãnh bởi người không cư trú

Tên đơn vị bảo lãnh (t): abcoyz

Quốc gia của Bên bảo lãnh (t): 017-Belgium

☒ Không bảo lãnh

2. Bên bảo lãnh:

2.1. Bên bảo lãnh thứ 1 (+)

2.1.1. Tên đơn vị bảo lãnh:

2.1.2. Quốc gia của Bên bảo lãnh:

3. Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản:

3.1. Tên Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản: 101-Ngân hàng nhà nước Việt nam

3.2. Địa chỉ Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản:

3.3. Thông tin về tài khoản vay, trả nợ nước ngoài mở tại Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản:

người không cư trú và Không bảo lãnh, Trang điện tử sẽ báo lỗi.

- Trong trường hợp khoản vay có nhiều nội dung, NSD có thể chọn dấu hiệu (+) để điền thêm thông tin.

- Đối với các nội dung về khoản vay của doanh nghiệp không được quy định trong Hợp đồng vay, Phụ lục Hợp đồng vay và các tài liệu liên quan, NSD điền **“không”** vào mục tương ứng trong Đơn đăng ký khoản vay.

Trường hợp NSD không điền nội dung gì, Trang điện tử sẽ báo lỗi

Quốc gia của Bên bảo lãnh (1) 017-Belgium (+)

☐ Không bảo lãnh

2. Bên bảo hiểm

2.1.1. Tên đơn vị bảo hiểm AIA

2.1.2. Quốc gia của Bên bảo hiểm 150-South Africa

3. Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản

3.1. Tên Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản 202-NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

3.2. Địa chỉ ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

3.3. Thông tin về tài khoản vay, trả nợ nước ngoài của tài khoản cung ứng dịch vụ tài khoản 123456789

4. Các bên liên quan khác không

PHẦN THỨ HAI: THÔNG TIN VỀ MỤC DICH VAY

1. Mục đích vay

2. Tên cư an đầu tư sẽ sử dụng khoản vay (nếu có)

3. Các tài liệu chứng minh tính hợp pháp của mục đích vay (văn bản phê duyệt đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản phê duyệt phương án kinh doanh...)

3.1. Tên tài liệu

3.2. Có có thẩm quyền phê duyệt

4. Địa phương, nơi khoản vay sẽ được sử dụng

PHẦN THỨ BA: THÔNG TIN VỀ KHOẢN VAY

1. Ngày ký Thỏa thuận vay nước ngoài

Đấu khoản

Chi phí vay được tính toán theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 Thông tư số 12/2014/TT-NHNN ngày 31/03/2014 quy định về điều kiện vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh. Chương trình mặc định đơn vị của chi phí vay là (%/năm), doanh nghiệp phải điền số vào trường **“Chi phí vay”**

- Văn bản đăng ký 15.000.000

- Giá trị bằng chữ Mười lăm triệu

4. Đồng tiền thực hiện khoản vay

4.1. Đồng tiền nhận nợ USD-DOLLA MỸ

4.2. Đồng tiền trả nợ USD-DOLLA MỸ

4.3. Đồng tiền trả nợ USD-DOLLA MỸ

5. Hình thức vay

1: Vay bằng tiền

6. Hình thức trả nợ bằng tiền

7. Thời hạn vay 36 (tháng)

8. Lãi suất vay 3%/năm

9. Các loại phí

9.1. Tên phí thứ 1 không

9.2. Cách tính phí 1 không

10. Lệ phí 5%/năm

11. Chi phí vay 3 (tháng)

12. Hình thức bảo lãnh bảo lãnh

13. Kế hoạch rút vốn

VD: Kim ngạch khoản vay là 20.000.000 USD

Thời hạn vay: 3 năm

Lãi suất vay: Libor 6 tháng + 2%/năm

Phí bảo hiểm : 2%/năm

Phí trả trước (upfront fee): 500.000 USD

Chi phí vay được tính như sau:

Libor: doanh nghiệp tham chiếu lãi suất tại thời điểm đăng ký khoản vay (VD: 0,33%/năm)

Phí trả trước quy đổi ra %/năm=[phí quy đổi : (kim ngạch vay * thời hạn vay)]*100%= 500.000: (20.000.000*3)*100% = 0,83%/năm

Như vậy, chi phí vay = lãi suất vay + phí bảo hiểm + phí trả trước =
 $(2\% + 0,33\%) + 2\% + 0,83\% = 5,16\%/\text{năm}$

Đối với phần Kế hoạch rút vốn, Kế hoạch trả nợ:

- NSD chỉ được báo cáo các kế hoạch này theo một loại (theo tháng hoặc quý hoặc 6 tháng hoặc năm hoặc khác). Trường hợp Trang điện tử báo lỗi do lựa chọn nhiều kế hoạch, NSD kiểm tra lại phần báo cáo của mình và đưa các phần không lựa chọn về thành “Chọn”

- Trường hợp kế hoạch rút vốn, trả nợ của doanh nghiệp theo Quý/6 tháng/năm, NSD chọn kế hoạch rút vốn vào tháng cuối cùng của Quý/6 tháng/năm

Đối với kế hoạch rút vốn, trả nợ khác, trong trường hợp Bên đi vay chưa xác định rõ tháng, quý thực hiện rút vốn, trả nợ, Trang điện tử không yêu cầu nhập đầy đủ cả tháng, quý khi nhập kế hoạch

Đối với các giá trị thập phân (VD: 2,5), NSD nhập “2” “.” “5”. Trường hợp NSD nhập “2” “,” “5”, Trang điện tử sẽ tự động chuyển thành 25.

6. Hình thức trả nợ: Điều khoản

7. Thời hạn vay: (tháng) trong đó thời gian ân hạn: (tháng) Điều khoản

8. Lãi suất vay: Điều khoản

9. Các loại phí: Điều khoản

9.1. Tên phí thứ 1: Điều khoản

Cách tính phí 1: Điều khoản

(*) Loại phí thứ 2: Điều khoản

10. Lãi phạt: Điều khoản

11. Chi phí vay: 2,5 (%/năm) Điều khoản

12. Hình thức bảo đảm: Điều khoản

13. Kế hoạch trả nợ: Điều khoản

Theo Tháng Theo Quý 6 Tháng Năm Khác

KẾ HOẠCH RÚT VỐN THEO THÁNG

Từ tháng: Chọn năm: Chọn đến tháng: Chọn năm: Chọn

Số lần dự kiến: Điều khoản

Giá trị từng lần rút vốn: Điều khoản

NSD ghi đầy đủ điều khoản dẫn chiếu trong Hợp đồng vay đối với từng nội dung của khoản vay.

Trường hợp Hợp đồng vay không quy định nội dung này, NSD điền “0” vào ô Điều khoản

3. Giá trị khoản vay: Điều khoản 1

- Giá trị bằng số: 15.000.000

Giá trị bằng chữ: Mười lăm triệu

4. Đồng tiền thực hiện khoản vay: Điều khoản 2

4.1. Đồng tiền nhận nợ: USD-DOLLA MỸ

4.2. Đồng tiền rút vốn: USD-DOLLA MỸ

4.3. Đồng tiền trả nợ: USD-DOLLA MỸ

5. Hình thức vay: 1: Vay bằng tiền Điều khoản 3

6. Hình thức trả nợ: bằng tiền Điều khoản 4

7. Thời hạn vay: 36 (tháng) trong đó thời gian ân hạn: 0 (tháng) Điều khoản 5

8. Lãi suất vay: 3 %/năm Điều khoản 6

9. Các loại phí: Điều khoản 0

9.1. Tên phí thứ 1: không

Cách tính phí 1: không (*) Loại phí thứ 2: Điều khoản 0

10. Lãi phạt: 0 Điều khoản 0

11. Chi phí vay: 3 (%/năm) Điều khoản 0

12. Hình thức bảo đảm: bảo lãnh Điều khoản 7

Trường hợp NSD đã khai báo theo tất cả các nội dung Trang điện tử yêu cầu nhưng vẫn không thể hiện được hết các đặc điểm của khoản vay, NSD có thể báo cáo thêm các thông tin về khoản vay tại mục 18 Đơn đăng ký khoản vay

14.2. Kế hoạch trả nợ lãi: Điều khoản

15. Các điều kiện khác (nếu có): Điều khoản

16. Dự kiến việc sử dụng ngoại tệ từ nguồn vốn vay (không áp dụng đối với khoản vay bằng VNĐ)

(i) Tỷ lệ phần trăm giá trị khoản vay ngoại tệ dự kiến sẽ được bán cho TCTD được phép: (%)

(ii) Mục đích sử dụng số ngoại tệ còn lại (trong trường hợp tỷ lệ tại điểm 16(i) nói trên nhỏ hơn 100%): (%)

17. Dự kiến mua ngoại tệ trả nợ từ TCTD được phép: (%) giá trị khoản vay

18. Các nội dung gửi trình thêm (nếu có): Điều khoản

PHẦN THỦ TỤC CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (Đại diện hợp pháp của Bên đi vay) cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn này và các tài liệu kèm theo tại Hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài của Bên đi vay.

2. Bên đi vay cam kết tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam, các quy định tại Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN ĐI VAY:

Tên cán bộ và điện thoại liên lạc:

GỬI THÔNG TIN

Mọi thắc mắc trong quá trình thực hiện, xin liên hệ Phòng Quản lý vay và cho vay nước ngoài - Vụ Quản lý Ngoại Hối - NHNN Việt Nam

Bước 3: Sau khi hoàn thiện Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài, NSD chọn “**Gửi thông tin**” để gửi Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài trực tuyến tới NHNN

14.2. Kế hoạch trả nợ lãi: Điều khoản

15. Các điều kiện khác (nếu có): Điều khoản

16. Dự kiến việc sử dụng ngoại tệ từ nguồn vốn vay (không áp dụng đối với khoản vay bằng VNĐ)

(i) Tỷ lệ phần trăm giá trị khoản vay ngoại tệ dự kiến sẽ được bán cho TCTD được phép: (%)

(ii) Mục đích sử dụng số ngoại tệ còn lại (trong trường hợp tỷ lệ tại điểm 16(i) nói trên nhỏ hơn 100%): (%)

17. Dự kiến mua ngoại tệ trả nợ từ TCTD được phép: (%) giá trị khoản vay

18. Các nội dung gửi trình thêm (nếu có): Điều khoản

PHẦN THỦ TỤC CAM KẾT

1. Người ký tên dưới đây (Đại diện hợp pháp của Bên đi vay) cam kết chịu trách nhiệm về sự chính xác của mọi thông tin ghi trong Đơn này và các tài liệu kèm theo tại Hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài của Bên đi vay.

2. Bên đi vay cam kết tuân thủ các quy định của luật pháp Việt Nam, các quy định tại Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Hồ sơ đính kèm:

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN ĐI VAY:

Tên cán bộ và điện thoại liên lạc:

GỬI THÔNG TIN

Mọi thắc mắc trong quá trình thực hiện, xin liên hệ Phòng Quản lý vay và cho vay nước ngoài - Vụ Quản lý Ngoại Hối - NHNN Việt Nam

(+84) 4 38243356, (+84) 4 38506300 (ext. 0140) 830626/038/118/128

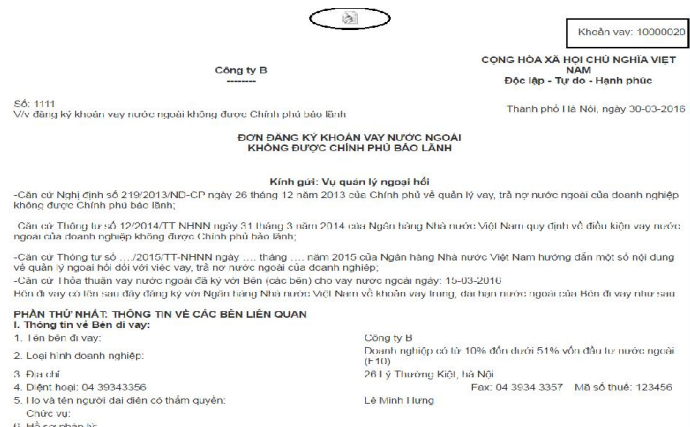
Sau khi NSD gửi Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài, Trang điện tử có thông báo sau khi Đơn đăng ký được gửi thành công



Bước 4: NSD chọn “*In khoản vay*” để in Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài đã gửi trực tuyến tới NHNN, người có thẩm quyền của doanh nghiệp ký tên, đóng dấu và gửi tới NHNN cùng với hồ sơ đăng ký khoản vay nước ngoài theo quy định tại Thông tư 03



Mã số khoản vay sẽ được Trang điện tử tạo ra và in trực tiếp trên Đơn đăng ký khoản vay của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chọn biểu tượng máy in để in Đơn đăng ký.



Bước 5: Trường hợp NSD có nhu cầu thay đổi các nội dung trong Đơn đăng ký khoản vay nước ngoài, NSD chọn “*DS khoản vay nước ngoài*”



Trang điện tử cho hiển thị như sau

NSD chọn mã số khoản vay, sau đó chọn tên Thủ tục hành chính để chỉnh sửa Đơn đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài

NSD chỉnh sửa các nội dung cần thay đổi trong Đơn đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay của doanh nghiệp sau đó chọn **“Gửi thông tin”** như một Đơn đăng ký bình thường.

NSD chỉ được sửa đổi các Đơn chưa được NHNN kiểm soát (trạng thái **“Chờ kiểm soát”**)